

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 38/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/9/2020.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 23/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N.T.A, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh V.H, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa chị N.T.A trình bày:

Tôi (N.T.A) và anh V.H đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi về chung sống, vợ chồng hạnh phúc được ba năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh H không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên đi từ sáng đến tối, có khi không về nhà, mỗi lần về nhà là anh H lại gây gỗ chửi bới đánh đập tôi. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tôi làm đơn xin ly hôn với anh V.H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và anh H có 01 con chung: Cháu V.T, sinh ngày 15/8/2011. Hiện nay cháu T đang học lớp 4, trường Tiểu học Q thuộc xã H. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Công việc hiện nay của tôi là làm thuê theo mùa vụ, mỗi tháng thu nhập 5.000.000 đồng, với mức thu nhập nêu trên, đảm bảo cho cuộc sống của tôi và cháu T. Do vậy tôi có nguyện vọng xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh H trợ cấp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh V.H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V.H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Nguyên đơn chị N.T.A trình bày ý kiến tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, anh H không làm tròn bổn phận của người chồng, không quan tâm đến gia đình, anh H hay gây gỗ chửi bới, đánh đập tôi. Vì vậy, vợ chồng không có tiếng nói chung nên từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, điều đó chứng minh giữa tôi và anh H sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được ly hôn anh V.H.

Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H không quan tâm đến con, do vậy tôi là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Nguyện vọng của cháu T xin được ở với mẹ, do vậy tôi đề nghị HĐXX giao cháu T cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi cháu T.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh V.H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N.T.A ly hôn anh V.H. Về con chung: Giao cháu V.T, sinh ngày 15/8/2011 cho chị N.T.A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị N.T.A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của chị N.T.A lập ngày 01/6/2020, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm chị A làm đơn khởi kiện, bị đơn anh V.H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh V.H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh V.H theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N.T.A:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn: Chị N.T.A và anh V.H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/5/2011, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của chị A, nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có những lúc không kiềm chế được bản thân anh H đã đánh đập chị A, do vậy từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 03/8/2020 Tòa án nhân dân huyện K tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N.T.A và anh V.H tại nơi cư trú của anh H, chị A sinh sống (Bút lục số 29,30). Kết quả ban tự quản thôn Y cung cấp như sau:

“Vợ chồng anh V.H và chị N.T.A có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, hiện nay đang sinh sống tại thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, anh H có đánh đập chị A nên chị A làm đơn báo với ban tự quản thôn. Ban tự quản thôn đã tiến hành hòa giải nhưng chị A và anh H vẫn xảy ra mâu thuẫn. Nay chị A xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về điều kiện nuôi con: Anh V.H làm nghề lái xe thường xuyên đi lái xe khi có yêu cầu, mức thu nhập cụ thể của anh H bao nhiêu thì ban tự quản thôn không nắm được.

Còn chị N.T.A làm thuê theo mùa vụ, mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị A khoảng 5.000.000 đồng. Ngoài ra chị A là người trực tiếp đưa đón, chăm sóc cháu T đi học hằng ngày”.

Căn cứ vào lời trình bày của chị A, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa chị A và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm đến vợ và con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có những lúc không kiềm chế được bản thân anh H đã đánh đập chị A, do vậy từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh H sống không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.”

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N.T.A và anh V.H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không

thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N.T.A được ly hôn với anh V.H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu nuôi con chung, trợ cấp tiền nuôi con: Chị A và anh H có 01 con chung, cháu V.T, sinh ngày 15/8/2011. Hiện nay cháu T đang ở với chị N.T.A, hàng ngày chị A chăm sóc và đưa đón cháu T đi học. Trong quá trình thu thập chứng cứ, ngày 17/6/2020, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu T, ý kiến của cháu T xin được ở với mẹ là chị A.

Xét thấy chị A có nơi cư trú và thu nhập hàng tháng ổn định, nhập học cho cháu T tại trường tiểu học gần nhà. Do vậy, chị A có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Để đảm bảo quyền lợi của cháu T, HĐXX xét thấy cần giao cháu V.T, sinh ngày 15/8/2011 cho chị N.T.A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh V.H được quyền đi lại thăm và chăm sóc cháu T, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị N.T.A không yêu cầu anh V.H cấp dưỡng tiền nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N.T.A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc chị N.T.A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện K.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho N.T.A được ly hôn với anh V.H.

[2] Về con chung: Giao cháu V.T, sinh ngày 15/8/2011 cho chị N.T.A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V.T đủ 18 tuổi.

- Anh V.H được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N.T.A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N.T.A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị N.T.A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0009713 ngày 01 tháng 6 năm 2020.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã H, huyện K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Quang Vinh